

Bản án số: 35/2019/DS-ST

Ngày: 05-9-2019

V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản
và hợp đồng góp hụi”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Ngô Huỳnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Trường

2. Ông Châu Văn Bằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Thanh Mộng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Hồng Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang. Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 64/2019/TLST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2019 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hụi” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44/2019/QĐST - DS ngày 19 tháng 7 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Lê Thị M (có mặt)

Trú tại: ấp P, xã Ph, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang

- Bị đơn:

1/ Anh Nguyễn Văn T

2/ Chị Đinh Thị Bích L

Người đại diện theo ủy quyền của chị L: Anh Nguyễn Văn T (Văn bản ủy quyền ngày 20/6/2019) (có mặt)

Cùng trú tại: ấp P, xã T, huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị N (có mặt)

Trú tại: ấp 2A, xã T, thị xã Ngã Bảy, tỉnh Hậu Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai của nguyên đơn bà Lê Thị M trình bày:

Ngày 15/5/2014 vợ chồng bị đơn có vay của bà 40.000.000 đồng, lãi 40.000 đồng/1.000.000 đồng/tháng, có làm biên nhận. Bị đơn hứa 03 tháng sau sẽ trả nợ, bị đơn đóng lãi được 02 tháng. Từ đó đến nay bị đơn không đóng lãi và không trả tiền gốc.

Ngày 10/02/2017 âl bà có mở chân hụi tháng 2.000.000 đồng, có 21 chân hụi, vợ chồng ông T vô 01 chân. Bị đơn hốt được 28.200.000 đồng hốt lần đầu, sau đó bị đơn có đóng được vài lần hụi chết, đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng đóng, hụi hiện đã mãn. Chân hụi này bị đơn còn thiếu lại 36.000.000 đồng.

Ngày 22/11/2016 âl bà có mở chân hụi tháng 2.000.000 đồng, có 17 chân hụi, vợ chồng ông T vô 01 chân. Bị đơn hốt được 22.200.000 đồng hốt lần đầu, sau đó bị đơn có đóng được vài lần hụi chết, đến tháng 5 năm 2017 thì ngưng đóng, hụi hiện đã mãn. Chân hụi này bị đơn còn thiếu lại 22.000.000 đồng.

Tổng cộng 02 chân hụi bị đơn còn thiếu là 58.000.000 đồng và 02 bên có làm biên nhận. Vì vậy nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả 40.000.000 đồng tiền vay và 58.000.000 đồng tiền hụi, tổng cộng là 98.000.000 đồng.

Tại các lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn T trình bày:

Vợ chồng anh có vay của bà M 40.000.000 đồng và 05 chỉ vàng 24k. Vay khi nào anh không nhớ, khi vay có làm biên nhận không anh không biết vì chị L đi vay. Lần đầu anh đã trả được 20.000.000 đồng, không làm biên nhận, không nhớ ngày tháng. Lần thứ 02 anh trả 20.000.000 đồng vào ngày 10/02/2017 âl, con bà M là Nguyễn Thị N có ghi trên giấy cho anh. Lần thứ 03 anh trả 05 chỉ vàng 24k vào ngày 22/11/2016 âl, chị N cũng có ghi trên giấy cho anh. Nay về nợ anh chỉ còn thiếu 5.000.000 đồng.

Đối với tiền hụi anh T khai rằng vợ chồng anh có vô hai chân hụi tháng 2.000.000 đồng của bà M. Hụi mở ngày nào anh không nhớ, hụi anh đã hốt xong, không nhớ cụ thể hốt được bao nhiêu tiền. Sau đó, vợ chồng anh có đóng lại hụi chết là 8.000.000 đồng thì ngưng không đóng. Nên về tiền hụi vợ chồng anh chỉ còn thiếu 50.000.000 đồng.

Anh T đồng ý trả số tiền vay và hụi cho mà Mỹ là 55.000.000 đồng. Tại phiên tòa anh T đồng ý trả số tiền vay là 20.000.000 đồng, đối với số tiền hụi anh đồng ý trả 50.000.000 đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị N trình bày:

Chị có biết việc ông T trả cho mẹ chị là bà M 05 chỉ vàng 24k, và tiền

20.000.000 đồng, nhưng đây là số nợ khác. Chứ không có liên quan đến số tiền 40.000.000 đồng, số nợ này khi vợ chồng ông T mượn có làm biên nhận, và đã trả xong nên bà M không yêu cầu. Chị thống nhất lời trình bày của bà M.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về phần thủ tục từ khi thụ lý đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử thực hiện đúng theo trình tự tố tụng. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền đã vay và số tiền hui còn thiếu, nên xác định quan hệ pháp luật là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản và hợp đồng góp hui” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Bà Lê Thị M khởi kiện bị đơn để yêu cầu thanh toán số tiền đã mượn là 40.000.000 đồng và tiền hui chết là 58.000.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình bà M đã cung cấp giấy mượn nợ vào ngày 15/5/2014 âm lịch và giấy xác nhận còn nợ hui ngày 02/02/2018 âm lịch.

[2.1] Đối với số tiền vay, tại phiên tòa anh T cho rằng đối với số nợ 40.000.000 đồng anh chỉ còn nợ lại 20.000.000 đồng, vì anh đã trả được 20.000.000 đồng, con bà M là Nguyễn Thị N có ghi trên giấy nợ là anh đã trả 20.000.000 đồng, chứ không làm biên nhận. Nhưng anh T không có chứng cứ chứng minh anh đã trả số tiền trên. Mặt khác, tại biên bản hòa giải ngày 11/7/2019 (bút lục 44) anh T khai anh trả được 40.000.000 đồng. Lần đầu trả 20.000.000 đồng, không nhớ ngày tháng; lần hai trả 20.000.000 đồng vào ngày 20/02/2017 âm lịch, nhưng cho rằng còn nợ lại 5.000.000 đồng. Và tại phiên tòa anh T khai còn nợ lại 20.000.000 đồng là mâu thuẫn. Ngoài ra, tại biên bản ghi lời khai ngày 11/6/2019 (bút lục 29) anh cho rằng đối với số tiền vay chỉ còn thiếu tiền lãi là 20.000.000 đồng. Các lời khai của anh T cùng là một vấn đề nhưng lại không thống nhất nhau, nên không có căn cứ để cho rằng anh T đã trả cho nguyên đơn 20.000.000 đồng trên số tiền đã vay là 40.000.000 đồng. Hơn nữa, bà M cũng đã cung cấp biên nhận ngày 04/5/2014 âm lịch là bị đơn có mượn 05 chỉ vàng 24k và 5.000.000 đồng; Và ngày 16/5/2014 âm lịch có mượn 20.000.000 đồng. Các khoản nợ này bị đơn đã trả xong nên nguyên đơn không yêu cầu trả. Và nay bà M chỉ yêu cầu trả số tiền 40.000.000 đồng như đã phân tích ở trên là có căn cứ để chấp nhận.

[2.2] Đối với khoản nợ hui là 58.000.000 đồng. Anh T cho rằng chỉ còn nợ 50.000.000 đồng, nhưng anh không nhớ là vợ chồng anh vô hui thời gian nào, hốt

hội được bao nhiêu tiền, hốt hội ở lần thứ mấy và đóng hội chết đến thời gian nào, nhưng anh lại cho rằng có đóng hội chết được 8.000.000 đồng. Trong khi đó vợ chồng anh lại làm biên nhận còn nợ tiền hội số tiền là 58.000.000 đồng. Chứng tỏ lời khai của nguyên đơn về việc bị đơn tham gia chơi hội, hốt hội và số lần đóng hội chết, sau đó 02 bên kết toán nợ lại còn số tiền 58.000.000 đồng là phù hợp. Chính vì phù hợp, nên ngay tại thời điểm làm biên nhận bị đơn mới không có ý kiến gì. Anh T không có chứng cứ chứng minh còn thiếu tiền nợ hội 50.000.000 đồng, nhưng bà M chứng minh được bị đơn còn thiếu 58.000.000 đồng, nên Hội đồng xét xử chấp nhận khoản tiền hội bị đơn còn thiếu là 58.000.000 đồng.

[3] Từ những nhận định ở mục [2.1] [2.2] có cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[4] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu phần án phí có giá ngạch là 98.000.000 đồng x 5% = 4.900.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng: Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị M.

Buộc ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Bích L phải trả cho bà Lê Thị M 98.000.000 đồng (*Chín mươi tám triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn T và bà Đinh Thị Bích L phải chịu 4.900.000 đồng. Hoàn trả lại cho bà Lê Thị M 2.450.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã đóng theo biên lai số 0018138 ngày 17/4/ 2019 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án

mà có lý do chính đáng, thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND h. Châu Thành;
- THA h. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Phan Ngô Huỳnh